

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-10-2025

“V/v Tranh chấp Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Phi.

2. Ông Bùi Huy Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14
- Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 về “*Tranh chấp Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Ánh N1, sinh ngày 10-6-1997; Căn cước công dân số 052197000394, cấp ngày 03-4-2021.

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn C, xã X, tỉnh Gia Lai).

Bị đơn: Ông Võ Quốc V, sinh ngày 24-6-1995; Căn cước công dân số 077095003992, cấp ngày 19-4-2021.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là ấp T, xã K, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Bà N1, ông V vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Ánh N1, trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian, bà N1 và ông Võ Quốc V mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06-5-2016 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là xã X, tỉnh Gia Lai).

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, ông V có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Từ tháng 01/2025, vợ chồng bà N1 đã ly thân cho đến nay. Nay, bà N1 xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng bà N1 có 02 người con chung Võ Gia K, sinh ngày 17-3-2016 và Võ An N3, sinh ngày 07-6-2023.

Bà N1 có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Quốc V, trình bày: Sau một thời gian tìm hiểu, ông V và bà Phan Thị Ánh N1 mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06-5-2016 tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là xã X, tỉnh Gia Lai).

Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Từ tháng 6/2025, vợ chồng ông V đã ly thân cho đến nay. Vợ chồng ông có 02 người con chung Võ Gia K, sinh ngày 17-3-2016 và Võ An N3, sinh ngày 07-6-2023.

Ông V không muốn vợ chồng ly hôn còn trong trường hợp bà N1 vẫn cương quyết ly hôn thì ông V đồng ý. Ông có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung Võ Gia K, sinh ngày 17-3-2016, ông đồng ý để bà N1 được quyền nuôi dưỡng con chung Võ An N3, sinh ngày 07-6-2023. Ông V không yêu cầu bà N1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao con chung Võ Gia K, sinh ngày 17-3-2016 và Võ An N3, sinh ngày 07-6-2023 cho bà N1 được quyền nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà N1 không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà N1, ông V không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Bà N1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Phan Thị Ánh N1 và ông Võ Quốc V sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay bà N1 yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của ông V là xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã K, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Bà Phan Thị Ánh N1 vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Võ Quốc V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà N1 và ông V trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06-5-2016 tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là xã X, tỉnh Gia Lai).

Theo bà N1, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ tháng 01/2025, vợ chồng bà đã ly thân cho đến nay. Trong thời gian này, bà sống cùng 02 người con tại thôn C, xã X, tỉnh Gia Lai còn ông V sinh sống tại ấp T, xã K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo ông V, sau khi kết hôn vợ chồng ông chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên đã ly thân từ tháng 6/2025 cho đến nay.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà N1 và ông V để hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng ông V không đến còn bà N1 có đơn đề nghị không

tiến hành hòa giải và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Ngoài ra, theo kết quả xác minh thì mâu thuẫn giữa bà N1 và ông V là có thật.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà N1 và ông V ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà N1 được ly hôn với ông V.

[2.2]. Về nuôi con chung: Bà N1 và ông V có 02 người con chung Võ Gia K, sinh ngày 17-3-2016 và Võ An N3, sinh ngày 07-6-2023.

Xét thấy, từ khi bà N1 và ông V không sống chung thì bà N1 là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung. Trong 02 người con chung có cháu Võ Gia K đã trên 07 tuổi, đang học lớp 4, có nguyện vọng được sống với bà N1 còn cháu Võ An N3 dưới 36 tháng tuổi. Do đó, để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con thì cần áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà N1 được tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà N1 không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà N1, ông V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà N1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị Ánh N1 và ông Võ Quốc V.

2. Về nuôi con chung: Bà Phan Thị Ánh N1 và ông Võ Quốc V có 02 người con chung Võ Gia K, sinh ngày 17-3-2016 và Võ An N3, sinh ngày 07-6-2023;

Giao con chung Võ Gia K, sinh ngày 17-3-2016 và Võ An N3, sinh ngày 07-6-2023 cho bà Phan Thị Ánh N1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị Ánh N1 không yêu cầu ông Võ Quốc V cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Võ Quốc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Ánh N1 và ông Võ Quốc V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Ánh N1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Thi hành án Dân sự Thành phố H) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005443 ngày 24 tháng 7 năm 2025; bà Phan Thị Ánh N1 đã nộp xong án phí DSST.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 14 - TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THA DS KV 14, TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Xuân An, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Nga